

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023.
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn.**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Mai Thanh P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:**

Chị và anh Mai Thanh P sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 23/4/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Thanh P.

- Về con chung: có 03 con gồm:

+ Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012.

+ Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015.

+ Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, do hiện nay cả 03 con chung đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung theo quy định pháp luật, cho đến khi cả 03 con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Mai Thanh P vắng mặt, anh P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mai Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh P.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Mai Thanh P sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 23/4/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Anh P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến cho thấy anh P đã không có thiện chí mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị H. Do đó, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: có 03 con gồm:

+ Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012.

+ Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015.

+ Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018.

Hiện nay cả 03 con chung đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của các con chung muốn sống chung với chị H.

[5]. Về cấp dưỡng: Do chị H yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung, đối với mỗi đứa con chung thì mỗi tháng cấp dưỡng 745.000đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng) đối với mỗi đứa con, cấp dưỡng cho đến khi mỗi đứa con chung tròn 18 tuổi, lao động được. Xét thấy yêu cầu này của chị H là phù hợp quy định pháp luật nên cần buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung là Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012, Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015 và Mai Nguyễn Gia K,

sinh ngày 25/4/2018 cấp dưỡng hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 745.000đồng/tháng/mỗi đứa con chung (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng/đôi với mỗi đứa con chung) cho đến khi cả 03 con chung Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012, Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015 và Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018 tròn 18 tuổi, lao động được.

[5].Về tài sản chung: chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6].Về nợ chung: chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7].Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phong phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Mai Thanh P.

- Về con chung: Giao cả 03 (ba) con chung gồm: Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012; Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015 và Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Mai Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012 mỗi tháng là 745.000đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng) cho đến khi cháu Mai Nguyễn Thiệu V, sinh ngày 18/10/2012 tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Mai Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Nguyễn Gia T, sinh ngày 16/11/2015 mỗi tháng là 745.000đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng) cho đến khi cháu Mai Nguyễn Gia T tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Mai Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018 mỗi tháng là 745.000đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng) cho đến khi cháu Mai Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/4/2018 tròn 18 tuổi, lao động được.

Người không trực tiếp nuôi các con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0026813 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được căn trừ xem như chị H đã nộp xong án phí.

Anh Mai Thanh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*

- Dương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã B, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

